

Số: 5284 /BHXH-BC

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2013

V/v hướng dẫn một số nội dung thực hiện
theo Thông tư số 178/2012/TT-BTC

Kính gửi: Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ngày 23/10/2012, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 178/2012/TT-BTC về Chế độ kế toán áp dụng cho Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam, để thống nhất thực hiện hạch toán kế toán một số nghiệp vụ, BHXH Việt Nam hướng dẫn BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là BHXH tỉnh) như sau:

I. Hạch toán số phải thu BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) và phân bổ số đã thu BHXH, BHYT, BHTN

1. Chứng từ kế toán

BHXH tỉnh; BHXH quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi chung là BHXH huyện) sử dụng chứng từ để phản ánh số thu BHXH, BHYT, BHTN gồm:

- Bảng tổng hợp số phải thu BHXH, BHYT, BHTN (Mẫu số C69-HD) để tổng hợp số tiền phải thu BHXH, BHYT, BHTN trên địa bàn;

- Bảng phân bổ số tiền đã thu vào quỹ BHXH, BHYT, BHTN (Mẫu số C83-HD) để tổng hợp số tiền đã thu BHXH, BHYT, BHTN và số tiền ghi thu, số tiền lãi chậm nộp BHXH, BHYT, BHTN phân bổ vào các quỹ BHXH, BHYT, BHTN.

2. Trách nhiệm lập chứng từ

a) Cuối tháng, Phòng Thu/Bộ phận Thu lập chứng từ C69-HD, C83-HD (mỗi chứng từ 02 bản) ký và trình Thủ trưởng đơn vị ký đóng dấu chuyển Phòng Kế hoạch - Tài chính/Bộ phận Kế toán 01 bản. Đồng thời, chuyển dữ liệu số phải thu và phân bổ số đã thu BHXH, BHYT, BHTN từ phần mềm quản lý thu (SMS) sang phần mềm kế toán BHXH (VSA) hoặc file dữ liệu theo chứng từ đã lập sang Phòng Kế hoạch tài chính/Bộ phận Kế toán.

b) Phòng Kế hoạch - Tài chính/Bộ phận Kế toán có trách nhiệm căn cứ chứng từ C69-HD, C83-HD do Phòng Thu/Bộ phận Thu chuyển sang, thực hiện đối chiếu, hạch toán kế toán đảm bảo số liệu chính xác, khớp đúng và lưu giữ chứng từ theo quy định. Trường hợp số liệu có chênh lệch Phòng Kế hoạch - Tài chính/ Bộ phận Kế toán và Phòng Thu/Bộ phận Thu phải thống nhất số liệu để điều chỉnh ngay trong tháng.

3. Tài khoản kế toán

a) BHXH tỉnh, BHXH huyện thực hiện mở các tài khoản thu BHXH, BHYT, BHTN (tài khoản 571, 572, 573, 574, 575, 579, 5113, 011, 013, 014, 015) để hạch toán phản ánh và tổng hợp số phải thu, số đã thu BHXH bắt buộc, BHXH tự nguyện, BHYT, BHTN, số thu trước BHYT cho năm sau, số tạm thu bảo hiểm (BH) và thu lãi chậm đóng.

Lưu ý: Đối với số thu BHYT phải thực hiện tính toán theo mệnh giá thẻ BHYT tương ứng với thời gian sử dụng của thẻ để hạch toán vào các tài khoản cho phù hợp:

+ Số thu BHYT của thẻ phát hành năm nay, có giá trị sử dụng trong năm thì hạch toán vào TK 573;

+ Số thu BHYT của thẻ phát hành năm nay, có giá trị sử dụng năm sau thì hạch toán vào TK 575.

b) Thực hiện mở thêm các tài khoản cấp 2 của tài khoản 573 - Thu BHYT; tài khoản 013: Phải thu BHYT để phản ánh chi tiết số phải thu, đã thu BHYT như sau:

- Tài khoản 573 - Thu BHYT

+ Tài khoản 5731: Truy thu BHYT năm trước

+ Tài khoản 5732: Thu BHYT năm nay

+ Tài khoản 5733: Thu BHYT trẻ em dưới 6 tuổi KCB không dùng thẻ BHYT

- Tài khoản 013: Phải thu BHYT

+ Tài khoản 0131: Số phải truy thu BHYT năm trước

+ Tài khoản 0132: Phải thu BHYT năm nay

+ Tài khoản 0135: Phải thu BHYT năm sau

c) BHXH huyện, BHXH tỉnh không thực hiện hạch toán phân bổ số thực thu BHXH bắt buộc vào các quỹ thành phần, không sử dụng các tài khoản sau:

- Tài khoản 5711 - Thu quỹ ốm đau, thai sản

- Tài khoản 5712 - Thu quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- Tài khoản 5713 - Thu quỹ hưu trí tử tuất

d) Hạch toán vào Tài khoản 575- Thu trước BHYT cho năm sau gồm:

- Số thu của thẻ BHYT phát hành năm nay nhưng có giá trị sử dụng năm sau của đối tượng tham gia đã nộp cho cơ quan BHXH.

- Số thu của thẻ BHYT phát hành năm nay nhưng có giá trị sử dụng năm sau do Ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ (bao gồm số Ngân sách nhà nước đã chuyển và số Ngân sách nhà nước còn phải chuyển cho cơ quan BHXH).

- Riêng năm 2013, tài khoản 575 không có số dư đầu kỳ do số đã thu của thẻ BHYT phát hành năm 2012 nhưng có giá trị sử dụng năm 2013 đã được hạch toán, quyết toán vào số thu trong năm 2012. Kế toán hạch toán bổ sung số còn phải thu từ Ngân sách nhà nước (số Ngân sách nhà nước chưa chuyển) của thẻ BHYT phát hành năm 2012 có giá trị sử dụng trong năm 2013, ghi:

Nợ TK 311- Các khoản phải thu (3118)

Có TK 573 - Thu BHYT (số thu của thẻ BHYT phát hành năm trước có giá trị sử dụng năm nay).

Đồng thời ghi Nợ TK 013 - Phải thu BHYT (0132).

4. Hạch toán kế toán

4.1. Đối với số thu do ngân sách địa phương hỗ trợ đóng

a) Thu BHYT

- Phòng Kế hoạch - Tài chính/Bộ phận Kế toán căn cứ vào chứng từ C69-HD do Phòng Thu/Bộ phận Thu chuyển đến, thực hiện hạch toán số tiền ngân sách địa phương phải hỗ trợ, đóng BHYT, ghi:

Nợ TK 311- Các khoản phải thu (3118)

Có TK 573 - Thu BHYT (Số thu BHYT của thẻ phát hành năm nay, có giá trị sử dụng trong năm)

Có TK 575 - Thu trước BHYT cho năm sau (Số thu BHYT của thẻ phát hành năm nay, có giá trị sử dụng năm sau).

Đồng thời, ghi Nợ các tài khoản: TK 013 - Phải thu BHYT (0132, 0135).

- Khi nhận được tiền BHYT do ngân sách địa phương đóng hoặc hỗ trợ tiền đóng tương ứng, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc

Có TK 311 - Các khoản phải thu (3118).

Đồng thời, ghi Có các tài khoản: TK 013 - Phải thu BHYT (0132, 0135).

Phòng Kế hoạch tài chính/Bộ phận Kế toán thông báo cho Phòng Thu/Bộ phận Thu tổng số tiền ngân sách nhà nước đã chuyển trong đó chuyển tiền hỗ trợ quỹ BHYT năm nay và chuyển tiền hỗ trợ quỹ BHYT năm trước.

- Sang đầu năm sau căn cứ vào chứng từ C83-HD, thực hiện kết chuyển số thu BHYT của thẻ phát hành năm trước, có giá trị sử dụng năm nay (đã hạch toán trên tài khoản 575 năm trước) vào tài khoản 573 năm nay, ghi:

Nợ TK 575 - Thu trước BHYT cho năm sau

Có TK 573 - Thu BHYT.

Đồng thời, ghi debet Có tài khoản 013 - Phải thu BHYT (0132) và ghi có Có

tài khoản 013 - Phải thu BHYT (0135).

- Đối với kinh phí ngân sách địa phương hỗ trợ kinh phí KCB BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi chưa được cấp thẻ BHYT đi KCB, khi nhận được tiền do ngân sách địa phương hỗ trợ đóng, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc

Có TK 573 - Thu BHYT (5733).

b) Thu BHTN

- Phòng Kế hoạch - Tài chính/Bộ phận Kế toán căn cứ vào chứng từ C69-HD do Phòng Thu/Bộ phận Thu chuyển đến, thực hiện hạch toán số tiền ngân sách địa phương phải hỗ trợ, đóng BHTN, ghi:

Nợ TK 311- Các khoản phải thu (3118)

Có TK 574 - Thu BHTN.

Đồng thời, ghi Nợ tài khoản 014 - Phải thu BHTN.

- Khi nhận được tiền BHYT, BHTN do ngân sách địa phương đóng hoặc hỗ trợ tiền đóng tương ứng, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc

Có TK 311 - Các khoản phải thu (3118).

Đồng thời, ghi Có tài khoản 014 - Phải thu BHTN.

4.2. Đối với số thu do người lao động, người sử dụng lao động đóng

a) Hàng tháng, Phòng Kế hoạch - Tài chính/Bộ phận Kế toán căn cứ vào chứng từ C69-HD do Phòng Thu/Bộ phận Thu chuyển đến, thực hiện hạch toán số phải thu BHXH, BHYT, BHTN và lãi chậm đóng BH, ghi Nợ các tài khoản: TK 011 - Phải thu BHXH bắt buộc; TK 013 - Phải thu BHYT (TK 0131, 0132, 0135); TK 014 - Phải thu BHTN và TK 015- Phải thu lãi chậm đóng BH (tài khoản 0151, 0153, 0154).

b) Khi nhận tiền tạm thu các loại BH và lãi chậm đóng BH của các đơn vị, cá nhân, căn cứ vào Phiếu thu tiền mặt hoặc giấy báo có của ngân hàng, kho bạc kế toán BHXH tỉnh, BHXH huyện, ghi:

Nợ TK 111- Tiền mặt

Nợ TK 112- Tiền gửi ngân hàng, kho bạc

Có TK 579 - Tạm thu các loại BH và lãi chậm đóng.

c) Trường hợp thu các loại BH và lãi chậm đóng BH nhưng chưa xác định được đối tượng nộp tiền, kế toán BHXH tỉnh, BHXH huyện ghi:

Nợ TK 112- Tiền gửi ngân hàng, kho bạc

Có TK 331- Các khoản phải trả (33183).

d) Khi xác định được đối tượng, ghi:

Nợ TK 331- Các khoản phải trả (33183)

Có TK 579 - Tạm thu các loại BH và lãi chậm đóng.

Đồng thời phản ánh số đã thu các loại BH và lãi chậm đóng các loại BH, ghi Nợ các tài khoản: TK 011 - Phải thu BHXH bắt buộc; TK 013 - Phải thu BHYT; TK 014 - Phải thu BHTN; TK 015 - Phải thu lãi chậm đóng BH.

đ) Hàng tháng, Phòng Kế hoạch - Tài chính/Bộ phận Kế toán căn cứ vào chứng từ C83-HD do Phòng Thu/Bộ phận Thu lập và chuyển đến, thực hiện hạch toán số đã thu BHXH, BHYT, BHTN và lãi chậm đóng BH, ghi:

Nợ TK 579 - Tạm thu các loại BH và lãi chậm đóng

Có TK 573 - Thu BHYT (5731) (số truy thu BHYT của những năm trước)

Có TK 573 - Thu BHYT (5732) (số thu BHYT của thẻ phát hành năm nay, có giá trị sử dụng năm nay)

Có TK 575 - Thu trước BHYT cho năm sau (số thu BHYT của thẻ phát hành năm nay, có giá trị sử dụng năm sau)

Có TK 574 - Thu BHTN

Có TK 571 - Thu BHXH

Có TK 511 - Thu lãi chậm đóng BH (51133, 51134, 51131).

Đồng thời phản ánh số đã thu các loại BH và lãi chậm đóng các loại BH, ghi Có các tài khoản: TK 011 - Phải thu BHXH bắt buộc; TK 013 - Phải thu BHYT (0131, 0132, 0135); TK 014 - Phải thu BHTN; TK 015 - Phải thu lãi chậm đóng BH (0151, 0153, 0154).

- Sang năm sau kết chuyển số đã thu BHYT trước cho năm sau vào số thu trong năm, ghi:

Nợ TK 575 - Thu trước BHYT cho năm sau

Nợ TK 573 - Thu BHYT.

e) Trường hợp người lao động và người sử dụng lao động chuyển thừa, chuyển nhảm số tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN: BHXH tỉnh, BHXH huyện hạch toán vào tài khoản 331 - Các khoản phải trả (33182).

4.3. Đối với số còn phải thu BHXH, BHYT, BHTN đến 31/12/2012

BHXH tỉnh, BHXH huyện căn cứ số liệu tại Báo cáo tổng hợp số liệu thu BHXH, BHYT và lãi phạt do chậm đóng năm 2012 (Phụ lục 01 ban hành kèm theo Công văn số 5528/BHXH-BC ngày 21/12/2012 của BHXH Việt Nam về việc hướng dẫn khóa sổ, lập báo cáo quyết toán tài chính năm 2012 và chuyển sổ kế toán), thực hiện rà soát, đối chiếu, xác nhận số liệu với bộ phận thu để hạch toán vào tài khoản ngoài bảng tương ứng.

5. Sổ kế toán

BHXXH tỉnh, BHXXH huyện mở sổ chi tiết các tài khoản phải thu (tài khoản 011, 013, 014, 015) và tài khoản đã thu (tài khoản 571, 573, 574, 575, 5113) để phản ánh số phải thu, đã thu BHXXH, BHYT, BHTN và lãi phạt do chậm đóng cho từng cơ quan, đơn vị, tổ chức có trách nhiệm đóng theo quy định của pháp luật.

II. Hạch toán sổ ghi thu Ngân sách Trung ương hỗ trợ đóng BHYT, BHTN

1. Tại BHXXH huyện

a) Cuối năm, căn cứ vào số tiền thực thu của học sinh, sinh viên đang theo học tại các trường do Bộ, cơ quan Trung ương quản lý; kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng cho người lao động nghỉ việc đang hưởng chế độ ốm đau do mắc bệnh thuộc danh mục cần chữa trị dài ngày (Phụ lục 01 Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 09/2009/TTLT-BYT-BTC ngày 14/8/2009 của Liên Bộ Y tế - Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế); số tiền do người lao động và người sử dụng lao động đã đóng (Biểu 01- Thông tư số 96/2009/TT-BTC ngày 20/5/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ tài chính đối với quỹ bảo hiểm thất nghiệp) để xác định số thu BHYT, BHTN do Ngân sách Trung ương phải hỗ trợ đóng, kế toán ghi:

Nợ TK 353 - Thanh toán về thu các loại bảo hiểm giữa tỉnh với huyện

Có TK 573 - Thu BHYT

Có TK 574 - Thu BHTN.

b) Tổng hợp số thu các loại BH đã thực hiện trên địa bàn huyện, phải nộp BHXXH tỉnh khi quyết toán được duyệt, ghi:

Nợ TK 573 - Thu BHYT

Nợ TK 574 - Thu BHTN

Có TK 353 - Thanh toán về thu các loại bảo hiểm giữa tỉnh với huyện.

2. Tại BHXXH tỉnh

a) Cuối năm, căn cứ vào số tiền thực thu của học sinh, sinh viên đang theo học tại các trường do Bộ, cơ quan Trung ương quản lý; kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng cho người lao động nghỉ việc đang hưởng chế độ ốm đau do mắc bệnh thuộc danh mục cần chữa trị dài ngày (Phụ lục 01 Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 09/2009/TTLT-BYT-BTC ngày 14/8/2009 của Liên Bộ Y tế - Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế); số tiền do người lao động và người sử dụng lao động đã đóng (Biểu 01- Thông tư số 96/2009/TT-BTC ngày 20/5/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ tài chính đối với quỹ bảo hiểm thất nghiệp) để xác định số thu BHYT, BHTN do Ngân sách Trung ương phải hỗ trợ đóng, kế toán ghi:

Nợ TK 351 - Thanh toán về thu các loại bảo hiểm giữa Trung ương với tỉnh

Có TK 573 - Thu BHYT

Có TK 574 - Thu BHTN.

b) Tổng hợp số thu các loại BH đã thực hiện trên địa bàn huyện phải nộp BHXH tỉnh khi quyết toán được duyệt, ghi:

Nợ TK 573 - Thu BHYT

Nợ TK 574 - Thu BHTN

Có TK 351 - Thanh toán về thu các loại bảo hiểm giữa Trung ương với tỉnh.

III. Hạch toán chi BHXH, BHYT, BHTN

1. Đối với số tiền cấp kinh phí chi BHXH, BHYT, BHTN

BHXH tỉnh, BHXH huyện mở thêm các tài khoản cấp 2 của TK 354- Thanh toán về chi các loại BH giữa tỉnh với huyện và TK 352- Thanh toán về chi các loại BH giữa Trung ương với tỉnh để theo dõi số tiền cấp kinh phí chi BHXH, BHYT, BHTN, như sau:

- TK 354- Thanh toán về chi các loại BH giữa tỉnh với huyện
- + Tài khoản 3541- Kinh phí chi BHXH, BHTN;
- + Tài khoản 3542 - Kinh phí chi BHYT.
- TK 352- Thanh toán về chi các loại BH giữa Trung ương với tỉnh
- + Tài khoản 3521- Kinh phí chi BHXH, BHTN;
- + Tài khoản 3522 - Kinh phí chi BHYT.

a) Tại BHXH huyện

- Khi nhận tiền cấp kinh phí chi BHXH, BHTN do BHXH tỉnh cấp, ghi
Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng, kho bạc

Có TK 354 - Thanh toán về chi các loại BH giữa tỉnh với huyện (3541).

- Khi báo cáo quyết toán về chi BHXH, BHTN được phê duyệt, ghi:

Nợ TK 354 - Thanh toán về chi các loại BH giữa tỉnh với huyện (3541)

Có TK 664 - Chi BHXH do NSNN đảm bảo (6641)

Có TK 671 - Chi BHXH bắt buộc

Có TK 672 - Chi BHXH tự nguyện

Có TK 674 - Chi BHTN.

- Khi nhận tiền cấp kinh phí chi BHYT do BHXH tỉnh cấp, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng, kho bạc

Có TK 354 - Thanh toán về chi các loại BH giữa tỉnh với huyện (3542).

- Khi báo cáo quyết toán chi BHYT được phê duyệt, ghi:

Nợ TK 354 - Thanh toán về chi các loại BH giữa tỉnh với huyện (3542)

Có TK 673 - Chi BHYT.

b) Tại BHXH tỉnh

- Khi nhận tiền cấp kinh phí chi BHXH, BHTN do BHXH Việt Nam cấp, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng, kho bạc

Có TK 352 - Thanh toán về chi các loại BH giữa Trung ương với tỉnh (3521).

- Khi nhận tiền cấp kinh phí chi BHYT do BHXH Việt Nam cấp, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng, kho bạc

Có TK 352 - Thanh toán về chi các loại BH giữa Trung ương với tỉnh (3522).

- Khi cấp kinh phí chi BHXH, BHTN cho BHXH huyện, ghi:

Nợ TK 354 - Thanh toán về chi các loại BH giữa tỉnh với huyện (3541)

Có TK 112 - Tiền gửi ngân hàng, kho bạc

- Khi cấp kinh phí chi BHYT cho BHXH các huyện, ghi:

Nợ TK 354 - Thanh toán về chi các loại BH giữa tỉnh với huyện (3542)

Có TK 112 - Tiền gửi ngân hàng, kho bạc.

- Khi báo cáo chi BHXH, BHTN của các huyện được duyệt, kế toán tổng hợp số chi BHXH, BHTN trên địa bàn tỉnh, ghi:

Nợ TK 664 - Chi BHXH do NSNN đảm bảo (6641)

Nợ TK 671 - Chi BHXH bắt buộc

Nợ TK 672 - Chi BHXH tự nguyện

Nợ TK 674 - Chi BHTN.

Có TK 354 - Thanh toán về chi các loại BH giữa tỉnh với huyện (3541).

- Khi báo cáo chi BHYT của các huyện được duyệt, kế toán tổng hợp số chi BHYT trên địa bàn tỉnh, ghi:

Nợ TK 673 - Chi BHYT

Có TK 354 - Thanh toán về chi các loại BH giữa tỉnh với huyện (3542).

- Khi nhận được thông báo duyệt quyết toán của BHXH Việt Nam thực hiện kết chuyển số chi BHXH, BHTN với số kinh phí đã nhận của BHXH Việt Nam, ghi:

Nợ TK 352 - Thanh toán về chi các loại BH giữa Trung ương với tỉnh (3521)

Có TK 664 - Chi BHXH do NSNN đảm bảo (6641)

Có TK 671 - Chi BHXH bắt buộc

Có TK 672 - Chi BHXH tự nguyện

Có TK 674 - Chi BHTN.

- Khi nhận được thông báo duyệt quyết toán của BHXH Việt Nam thực hiện kết chuyển số chi BHYT với số kinh phí đã nhận của BHXH Việt Nam, ghi:

Nợ TK 352 - Thanh toán về chi các loại BH giữa Trung ương với tỉnh (3522)

Có TK 673 - Chi BHYT.

c) Từ năm 2013, BHXH tỉnh, BHXH huyện hạch toán riêng các nguồn kinh phí chi BHXH, BHTN, BHYT vào các tài khoản có liên quan. BHXH tỉnh, BHXH huyện căn cứ vào số liệu đã được phê duyệt quyết toán năm 2012, thực hiện hạch toán số dư nguồn kinh phí BHXH, BHTN, BHYT vào số dư đầu năm 2013 của các tài khoản được mở bổ sung trong Mục III này.

2. Đối với khoản kinh phí thu hồi do phát hiện chi sai BHXH, BHYT, BHTN

2.1 Thu hồi chi sai của các năm trước

Các khoản thu hồi phát hiện chi sai BHXH, BHYT, BHTN của các năm trước không để lại đơn vị sử dụng mà nộp toàn bộ về BHXH cấp trên (BHXH huyện nộp về BHXH tỉnh để nộp về BHXH Việt Nam), căn cứ vào quyết định thu hồi chi sai, kết luận của cấp có thẩm quyền để hạch toán số tiền phải thu hồi do chi sai và thực hiện như sau:

BHXH tỉnh, BHXH huyện mở thêm các tài khoản 3425 - Thanh toán tiền thu hồi do phát hiện chi sai các năm trước giữa Trung ương với tỉnh; tài khoản 3426 - Thanh toán tiền thu hồi do phát hiện chi sai các năm trước giữa tỉnh với huyện.

Cuối năm, BHXH tỉnh thực hiện lập báo cáo tình hình thu hồi chi sai (Mẫu số 02 ban hành kèm theo công văn này).

a) Tại BHXH huyện

- Phản ánh số phải thu hồi phát hiện chi sai năm trước, ghi:

Nợ TK 311 - Các khoản phải thu (31182)

Có TK 3426- Thanh toán tiền thu hồi do phát hiện chi sai các năm trước giữa tỉnh với huyện.

- Khi thu được tiền thu hồi do phát hiện chi sai năm trước, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Nợ TK 1121 - Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc.

Có TK 311 - Các khoản phải thu (31182).

- Khi BHXH huyện chuyển tiền thu hồi do phát hiện chi sai năm trước về BHXH tỉnh, ghi:

Nợ TK 3426 - Thanh toán tiền thu hồi do phát hiện chi sai các năm trước giữa tỉnh với huyện

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc.

b) Tại BHXH tỉnh

- Phản ánh số phải thu hồi do phát hiện chi sai các năm trước, ghi:

Nợ TK 311 - Các khoản phải thu (31182)

Có TK 3425- Thanh toán tiền thu hồi do phát hiện chi sai các năm trước giữa Trung ương với tỉnh .

- Khi thu được tiền thu hồi do phát hiện chi sai các năm trước, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Nợ TK 1121 - Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc.

Có TK 311 - Các khoản phải thu (31182).

- Tổng hợp số tiền phải thu hồi do phát hiện chi sai của BHXH huyện trên địa bàn, ghi:

Nợ TK 3426 - Thanh toán tiền thu hồi do phát hiện chi sai các năm trước giữa tỉnh với huyện

Có TK 3425 - Thanh toán tiền thu hồi do phát hiện chi sai các năm trước giữa Trung ương với tỉnh.

- Khi nhận được tiền thu hồi do phát hiện chi sai các năm trước do BHXH huyện chuyển lên, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc.

Có TK 3426 - Thanh toán tiền thu hồi do phát hiện chi sai các năm trước giữa tỉnh với huyện.

- Khi chuyển tiền thu hồi do phát hiện chi sai các năm trước về BHXH Việt Nam, ghi:

Nợ 3425 - Thanh toán tiền thu hồi do phát hiện chi sai các năm trước giữa Trung ương với tỉnh

Có 112- Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc.

2.2. Thu hồi do chi sai trong năm

a) Khi phát hiện số tiền thu hồi chi sai BHXH, BHYT, BHTN trong năm hoặc khi quyết toán được duyệt BHXH tỉnh, BHXH huyện, ghi:

Nợ TK 311 - Các khoản phải thu (31182)

Có TK 664 - Chi BHXH do NSNN đảm bảo

Có TK 671 - Chi BHXH bắt buộc

Có TK 672- Chi BHXH tự nguyện

Có TK 673- Chi BHYT

Có TK 674 - Chi BHTN.

b) Khi thu được tiền, ghi:

Nợ TK 111- Tiền mặt

Nợ TK 112 - Tiền gửi ngân hàng hàng, kho bạc

Có TK 311 - Các khoản phải thu (31182).

3. Đối với khoản chi lương hưu, trợ cấp BHXH người hưởng chưa đến nhận

3.1. Chi trợ cấp BHXH một lần người hưởng chưa đến nhận

a) Cuối năm BHXH tỉnh, BHXH huyện căn cứ vào Bảng tổng hợp chưa trả cho người hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH một lần (Mẫu số 03 kèm theo công văn này) để hạch toán số tiền phải trả cho người hưởng nhưng chưa đến nhận tiền.

b) BHXH tỉnh, BHXH huyện mở thêm tài khoản ngoài bảng 018 - Phải trả cho người hưởng để theo dõi số tiền chi lương hưu, trợ cấp BHXH một lần mà người hưởng chưa nhận.

Kết cấu nội dung phản ánh tài khoản 018

Bên Nợ: Phản ánh số tiền đã chi lương hưu, trợ cấp BHXH một lần cho người hưởng.

Bên Có: Phản ánh số tiền phải trả chi lương hưu, trợ cấp BHXH một lần cho người hưởng nhưng chưa đến nhận.

Số dư bên Có: Số tiền chi lương hưu, trợ cấp BHXH một lần còn phải trả cho người hưởng.

c) Phương pháp hạch toán kế toán

- Cuối năm, khi BHXH tỉnh, BHXH huyện tổng hợp số chi lương hưu, trợ cấp BHXH một lần phải trả cho người hưởng, ghi:

Có TK 018 - Phải trả cho người hưởng

- Khi người hưởng đến nhận tiền chi lương hưu trợ cấp BHXH một lần ghi:

Nợ TK 671 - Chi BHXH bắt buộc

Nợ TK 672 - Chi BHXH tự nguyện

Nợ TK 674 - Chi BHTN

Có TK 111- Tiền mặt

Có TK 112 - Tiền gửi ngân hàng, kho bạc.

Đồng thời ghi Nợ TK 018- Phải trả cho người hưởng.

3.2. Chi lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng người hưởng chưa đến nhận

Đối với số tiền chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng tại thời điểm 31/12 hàng năm mà người hưởng chưa đến nhận, BHXH tỉnh, BHXH huyện thực hiện lập báo cáo tổng hợp số chưa trả cho người hưởng lương hưu và trợ cấp BHXH hàng tháng (Mẫu số 04 ban hành kèm theo công văn này).

IV. Đối với lãi tài khoản tiền gửi không kỳ hạn

BHXH tỉnh, BHXH huyện mở thêm tài khoản 34212 - Thanh toán lãi tiền không kỳ hạn giữa tỉnh với huyện; tài khoản 34211 - Thanh toán lãi tiền gửi không kỳ hạn giữa Trung ương với tỉnh.

BHXXH tỉnh, BHXXH huyện tổng hợp báo cáo lãi các tài khoản tiền gửi (Mẫu số 05 ban hành kèm theo công văn này).

1. Tại BHXXH huyện

- Khi nhận được lãi tiền gửi không kỳ hạn do Ngân hàng, Kho bạc trả, ghi
Nợ TK 1121 - Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc

Có TK 512 - Thu lãi hoạt động đầu tư tài chính từ các quỹ BH (5125).

- Phản ánh số phải nộp lãi tiền gửi không kỳ hạn đã thu tại BHXXH huyện (riêng lãi không kỳ hạn tài khoản tiền gửi chi quản lý bộ máy không nộp về BHXXH tỉnh, đơn vị thực hiện ghi tăng nguồn kinh phí chi hoạt động theo quy định), ghi:

Nợ TK 512 - Thu lãi hoạt động đầu tư tài chính từ các quỹ BH (5125)

Có TK 3421 - Thanh toán nội bộ (34212).

- Khi nộp lãi tiền gửi không kỳ hạn về BHXXH tỉnh, ghi:

Nợ TK 3421 - Thanh toán nội bộ (34212)

Có TK 1121 - Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc.

2. Tại BHXXH tỉnh

- Khi nhận được lãi tiền gửi không kỳ hạn do Ngân hàng, Kho bạc trả, ghi:

Nợ TK 1121 - Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc

Có TK 512 - Thu lãi hoạt động đầu tư tài chính từ các quỹ bảo hiểm (5125).

- Phản ánh số phải thu về lãi tiền gửi không kỳ hạn của BHXXH huyện, ghi:

Nợ TK 3421 - Thanh toán nội bộ (34212)

Có TK 512 - Thu lãi hoạt động đầu tư tài chính từ các quỹ bảo hiểm (5125).

- Khi nhận được lãi tiền gửi không kỳ hạn do BHXXH huyện chuyển lên, ghi:

Nợ TK 1121 - Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc

Có TK 3421 - Thanh toán nội bộ (34212).

- Tổng hợp số lãi tiền gửi không kỳ hạn nộp về BHXXH Việt Nam, ghi:

Nợ TK 512 - Thu lãi hoạt động đầu tư tài chính từ các quỹ bảo hiểm (5125)

Có TK 3421 - Thanh toán nội bộ (34211).

- Khi nộp lãi tiền gửi không kỳ hạn cho BHXXH Việt Nam

Nợ TK 3421 - Thanh toán nội bộ (34211)

Có TK 1121 - Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc.

V. Hạch toán phân bổ BHXXH, thẻ BHYT

1. BHXXH tỉnh khi nhận được phân bổ BHXXH, thẻ BHYT do BHXXH Việt Nam cấp căn cứ vào Phiếu xuất kho để ghi sổ kho và hạch toán kế toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 178/2012/TT-BTC.

2. Trường hợp đến 31/12/2012 BHXH tỉnh chưa thực hiện hạch toán kế toán phôi sổ BHXH, thẻ BHYT: BHXH tỉnh thực hiện kiểm kê phôi sổ BHXH, thẻ BHYT đã nhận đến hết ngày 31/12/2012, xác định giá trị của phôi sổ BHXH, thẻ BHYT và thực hiện hạch toán kế toán vào sổ phát sinh trong năm 2013.

3. Cuối năm BHXH tỉnh, BHXH huyện căn cứ vào sổ phôi sổ BHXH, thẻ BHYT nhập, xuất trong năm để tổng hợp số đã sử dụng trong năm (Mẫu số 06 kèm theo công văn này).

VI. Hạch toán trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi

Từ năm 2013, BHXH tỉnh thực hiện trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo hướng dẫn tại Công văn số 4455/BHXH-BC ngày 07/11/2013 của BHXH Việt Nam về việc hướng dẫn trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và hạch toán như sau:

1. Khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (bằng 100% số được trích theo quy định), ghi:

Nợ TK 661 - Chi hoạt động

Có TK 431 - Các quỹ.

2. Khi thực hiện chuyển 10% quỹ khen thưởng, phúc lợi đã trích trong năm theo quy định về BHXH Việt Nam, ghi:

Nợ TK 431 - Các quỹ

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc.

VII. Một số nội dung hạch toán đối với chi phí KCB BHYT

1. Theo dõi, lập báo cáo chi phí KCB BHYT đa tuyến và cân đối quỹ KCB BHYT

1.1. Từ năm 2013, BHXH tỉnh, BHXH huyện phản ánh, tổng hợp chi phí KCB BHYT đa tuyến đi vào chi phí KCB BHYT được quyết toán của BHXH tỉnh, BHXH huyện (Tài khoản 673).

Chi phí KCB BHYT được tổng hợp vào báo cáo tài chính (mẫu số B08a-BH, B08b-BH, B13a-BH) và thực hiện cân đối quỹ KCB BHYT của tỉnh, gồm:

- Chi phí KCB BHYT ban đầu tại các cơ sở KCB của tỉnh;
- Chi phí KCB BHYT đa tuyến đi nội, ngoại tỉnh.

Đối với chi phí KCB BHYT đa tuyến đến ngoại tỉnh: BHXH tỉnh, BHXH huyện thực hiện thanh toán hộ cho tỉnh khác, không hạch toán, tổng hợp vào sổ chi KCB BHYT được quyết toán.

1.2. BHXH tỉnh căn cứ Thông báo thanh toán đa tuyến do Trung tâm giám định BHYT và Thanh toán đa tuyến thông báo (Mẫu số C88-HD) để hạch toán chi phí KCB BHYT đa tuyến đi, đến ngoại tỉnh.

BHXH huyện căn cứ Thông báo thanh toán đa tuyến do Phòng giám định

BHYT tỉnh thông báo (Mẫu số C88-HD) để hạch toán chi phí KCB BHYT đã tuyển đi, đến nội tỉnh.

1.3. Hạch toán kế toán

Bảo hiểm xã hội tỉnh mở thêm tài khoản để hạch toán chi phí KCB BHYT đã tuyển như sau:

- Tài khoản 3441- Thanh toán về chi KCB đã tuyển đi mở thêm tài khoản cấp 3 như sau:

+ Tài khoản 34411: Thanh toán về chi KCB đã tuyển đi nội tỉnh

+ Tài khoản 34412: Thanh toán về chi KCB đã tuyển đi ngoại tỉnh

- Tài khoản 3442- Thanh toán về chi KCB đã tuyển đến mở thêm tài khoản cấp 3 như sau:

+ Tài khoản 34421: Thanh toán về chi KCB đã tuyển đến nội tỉnh

+ Tài khoản 34422: Thanh toán về chi KCB đã tuyển đến ngoại tỉnh

- Tài khoản 016 - Chi phí KCB đã tuyển đi mở thêm các tài khoản cấp 2, cấp 3 như sau:

+ Tài khoản 0161- Chi phí KCB đã tuyển đi

+ Tài khoản 01611- Chi phí KCB đã tuyển đi nội tỉnh

+ Tài khoản 01612- Chi phí KCB đã tuyển đi ngoại tỉnh

+ Tài khoản 0162- Chi phí KCB đã tuyển đến

+ Tài khoản 01621- Chi phí KCB đã tuyển đến nội tỉnh

+ Tài khoản 01622 - Chi phí KCB đã tuyển đến ngoại tỉnh

- Cuối quý, khi thực hiện tổng hợp báo cáo quyết toán chi phí KCB đã tuyển nội tỉnh của BHXH tỉnh, BHXH huyện thực hiện hạch toán như sau:

Nợ TK 34411: Thanh toán về chi KCB đã tuyển đi nội tỉnh

Có TK 34421: Thanh toán về chi KCB đã tuyển đến nội tỉnh.

Đồng thời ghi Nợ TK 01611- Chi phí KCB đã tuyển đi nội tỉnh và ghi Có TK 01621- Chi phí KCB đã tuyển đến nội tỉnh.

- Cuối quý BHXH huyện căn cứ vào Thông báo chi phí đã tuyển đến do BHXH tỉnh thông báo, ghi:

Nợ TK 354- Thanh toán về chi các loại BH giữa tỉnh với huyện (3542)

Có TK 34422- Thanh toán về chi KCB đã tuyển đến ngoại tỉnh.

- Cuối quý BHXH tỉnh căn cứ vào Thông báo chi phí đã tuyển đến do BHXH Việt Nam thông báo, ghi:

Nợ TK 352- Thanh toán về chi các loại BH giữa Trung ương với tỉnh (3522)

Có TK 34422- Thanh toán về chi KCB đã tuyển đến ngoại tỉnh.

- Kết chuyển chi phí KCB BHYT đề nghị quyết toán tại đơn vị được thực

hiện khi có thông báo quyết toán của BHXH tỉnh (đối với BHXH huyện); thông báo thẩm định quyết toán của BHXH Việt Nam (đối với BHXH tỉnh).

1.4. Bổ sung các chỉ tiêu chi tiết Thanh toán đa tuyến đi - đến trong báo cáo B08a-BH

- Thanh toán đa tuyến đi, gồm:

+ Thanh toán đa tuyến đi nội tỉnh

+ Thanh toán đa tuyến đi ngoại tỉnh

- Thanh toán đa tuyến đến, gồm:

+ Thanh toán đa tuyến đến nội tỉnh

+ Thanh toán đa tuyến đến ngoại tỉnh.

2. Chi chăm sóc sức khỏe ban đầu (CSSKBD)

a) Tại BHXH huyện

- Căn cứ vào số thu BHYT học sinh, sinh viên trong trường tham gia BHYT, BHXH huyện tính và quyết toán đủ 12% kinh phí CSSKBD cho nhà trường, ghi:

Nợ TK 673 - Chi BHYT (số trích tương đương với thời hạn sử dụng của thẻ năm nay)

Nợ TK 675 - Chi trước BHYT cho năm sau (số trích tương đương với thời hạn thẻ sử dụng của thẻ năm sau)

Nợ TK 344 - Thanh toán về chi KCB đa tuyến (3442)

Có TK 343 - Thanh toán về chi các loại BH (3435).

Đồng thời ghi Nợ TK 010 - Kinh phí CSSKBD.

- Khi BHXH huyện chuyển tiền cho trường học khoản chi CSSKBD ghi:

Nợ TK 343 - Thanh toán về chi các loại BH (3435)

Có TK 111- Tiền mặt

Có TK 112- Tiền gửi ngân hàng, kho bạc.

- Khi số chi KCB BHYT được phê duyệt, ghi:

Nợ TK 354 - Thanh toán về chi các loại BH giữa tỉnh với huyện (3542)

Có TK 673 - Chi BHYT

- Cuối năm, nếu báo cáo quyết toán chi BHYT cho các đối tượng do quỹ KCB BHYT chưa được duyệt, ghi:

Nợ TK 6731 - Năm trước

Có TK 6732- Năm nay.

- Sang đầu năm sau, thực hiện kết chuyển số chi trước BHYT cho năm sau về số chi trong năm, ghi:

Nợ TK 673 - Chi BHYT

Có TK 675 - Chi trước BHYT cho năm sau.

b) Tại BHXH tỉnh

- Căn cứ vào sổ thu BHYT học sinh, sinh viên trong trường tham gia BHYT, BHXH tỉnh tính và quyết toán đủ 12% kinh phí CSSKBD cho nhà trường, ghi:

Nợ TK 673 - Chi BHYT (số trích tương đương với thời hạn sử dụng của thẻ năm nay)

Nợ TK 675 - Chi trước BHYT cho năm sau

Nợ TK 344 - Thanh toán về chi KCB đa tuyến (3442)

Có TK 343 - Thanh toán về chi các loại BH (3435).

Đồng thời ghi Nợ TK 010 - Kinh phí CSSKBD

- Khi BHXH tỉnh chuyển tiền cho trường học khoản chi CSSKBD ghi:

Nợ 343 - Thanh toán về chi các loại BH (3435)

Có TK 111 - Tiền mặt

Có 112 - Tiền gửi ngân hàng, kho bạc.

- Sang đầu năm sau, thực hiện kết chuyển số chi trước BHYT cho năm sau về số chi BHYT trong năm, ghi:

Nợ TK 673 - Chi BHYT

Có TK 675 - Chi trước BHYT cho năm sau (số trích tương đương với thời hạn thẻ sử dụng của thẻ năm sau).

- Cuối năm, nếu báo cáo quyết toán chi BHYT cho các đối tượng do quỹ KCB BHYT chưa được duyệt, ghi:

Nợ TK 6731 - Năm trước

Có TK 6732 - Năm nay.

- Khi báo cáo quyết toán chi BHYT của các huyện được duyệt, kế toán tổng hợp số chi BHYT trên địa bàn, ghi:

Nợ TK 673 - Chi BHYT

Có TK 354 - Thanh toán về chi các loại BH giữa tỉnh với huyện (3542).

- Khi nhận được thông báo duyệt quyết toán của BHXH Việt Nam, thực hiện kết chuyển số chi BHYT với số kinh phí đã nhận của BHXH Việt Nam, ghi:

Nợ TK 352 - Thanh toán về chi các loại BH giữa Trung ương với huyện (3522)

Có TK 673 - Chi BHYT.

c) Đối với chi phí CSSKBD đi, đến căn cứ vào chứng từ theo Thông báo đa tuyến (Mẫu số C88-HD), thực hiện hạch toán kế toán như hướng dẫn đối với hạch toán kế toán chi phí KCB BHYT đa tuyến.

3. Quyết toán kinh phí CSSKBD

Hàng năm, căn cứ vào báo cáo tình hình kinh phí CSSKBD của nhà trường,

cơ quan BHXH tổng hợp phần kinh phí CSSKBD nhà trường đã chi và quyết toán với cơ quan quản lý cấp trên, ghi Có TK 010 - Kinh phí CSSKBD.

VIII. Hạch toán chênh lệch thu, chi hoạt động thường xuyên

BHXH tỉnh, BHXH huyện sử dụng tài khoản 004 - Chênh lệch thu chi hoạt động thường xuyên, để phản ánh số chênh lệch thu lớn hơn chi do tiết kiệm chi do đơn vị tạm xác định trong năm và sử dụng số chênh lệch. Các đơn vị thực hiện hạch toán từ năm 2013, số dư đầu kỳ bằng 0.

IX. Báo cáo tài chính

1. Từ năm 2013 BHXH tỉnh, BHXH huyện thực hiện lập, nộp các báo cáo tài chính theo quy định tại Thông tư số 178/2012/TT-BTC.

1.1. Một số báo cáo tài chính bổ sung mới và thay đổi các chỉ tiêu, gồm:

- Báo cáo quý: Báo cáo thu BHXH, BHYT, BHTN (Mẫu số B07a,b-BH); Báo cáo chi tiết số thu BHXH, BHYT, BHTN (Mẫu F07a,b-BH); Báo cáo tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí chi BHXH, BHYT, BHTN (Mẫu số B08a,b-BH).

- Báo cáo năm: Báo cáo kết dư quỹ KCB BHYT do địa phương quản lý (Mẫu số 13a-BH), Báo cáo số phải thu BHXH, BHYT, BHTN và lãi chậm đóng (Mẫu B14a,b-BH), Báo cáo số thu, chi trước BHYT cho năm sau (Mẫu B15a,b-BH), Báo cáo tổng hợp số dư tài khoản (Mẫu số B16-BH).

1.2. Đối với chỉ tiêu điều chỉnh kinh phí tại các báo cáo tài chính Mẫu số B02-BH, B07-BH, B08-BH

- Đối với việc điều chỉnh tăng số liệu quyết toán của năm trước chuyển sang bổ sung chỉ tiêu số năm trước được quyết toán bổ sung thì tổng hợp vào chỉ tiêu kinh phí đề nghị quyết toán.

- Đối với việc điều chỉnh giảm số liệu quyết toán của năm trước chuyển sang do chi sai thực hiện tổng hợp vào chỉ tiêu kinh phí khác và tổng hợp vào số thu hồi do chi sai nộp về BHXH Việt Nam.

2. Hằng năm, BHXH tỉnh, BHXH huyện lập các Phụ lục, Mẫu biểu đóng vào báo cáo quyết toán quý IV gửi BHXH Việt Nam, bao gồm:

2.1. Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 09/2009/TTLT-BYT-BTC ngày 14/8/2009 của Liên Bộ Y tế - Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế;

2.2. Biểu 01- Thông tư số 96/2009/TT-BTC ngày 20/5/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ tài chính đối với quỹ bảo hiểm thất nghiệp;

2.3. Báo cáo số tiền đóng BHYT cho người hưởng BHXH hàng tháng (Mẫu số 01 ban hành kèm theo công văn này);

2.4. Tổng hợp thu hồi chi sai BHXH, BHYT, BHTN năm trước (Mẫu số 02

ban hành kèm theo công văn này);

2.5. Tổng hợp chưa trả cho người hưởng lương hưu trợ cấp BHXH một lần (Mẫu số 03 ban hành kèm theo công văn này);

2.6. Tổng hợp số chưa trả cho người hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng (Mẫu số 04 ban hành kèm theo công văn này);

2.7. Tổng hợp lãi tiền gửi các khoản thu, chi (Mẫu số 05 ban hành kèm theo công văn này);

2.8. Bảng kê phôi sổ thẻ BHXH, thẻ BHYT đã xuất dùng (Mẫu số 06 ban hành kèm theo công văn này);

2.9. Chi thù lao cho tổ chức, cá nhân làm đại lý thu BHXH tự nguyện, thu BHYT của một số đối tượng (*gồm: học sinh, sinh viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; người thuộc hộ gia đình cận nghèo; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp; xã viên hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể, gọi chung là BHYT tự nguyện*) không bao gồm số thu tiền do ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng (Mẫu số 07 ban hành kèm theo công văn này).

2.10. Chi thù lao cho tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ lập danh sách cấp thẻ và trả thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi mới phát sinh (Mẫu số 08 ban hành kèm theo công văn này).

3. Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B17-BH)

Thực hiện thuyết minh Báo cáo quyết toán tài chính theo đúng quy định tại Thông tư số 178/2012/TT-BTC. Ngoài ra, thuyết minh một số nội dung chủ yếu như sau:

- Tình hình biên chế lao động: Số biên chế được giao, biên chế hiện có, số biên chế tăng, giảm trong năm; tổng quỹ tiền lương thực hiện;

- Thuyết minh chỉ tiêu đối tượng hưởng BHXH:

- + Người hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng tăng, giảm trong năm;

- + Số người hưởng BHXH một lần;

- + Số lượt người ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe.

- Thuyết minh số lượt khám, chữa bệnh;

- Phân tích nguyên nhân tăng, giảm chỉ tiêu thu, chi so với dự toán được giao (nguyên nhân chủ quan, khách quan làm tăng, giảm số thu, số chi);

- Phân tích chi tiết số thu còn phải nộp cấp trên chuyển năm sau;

- Phân tích số dư của từng nguồn kinh phí chuyển sang năm sau (thuyết minh chi tiết nguồn kinh phí chi quản lý bộ máy còn dư chuyển năm sau);

- Phân tích số liệu vật tư, hàng hoá, tồn kho cuối ngày 31/12 hàng năm. Phân

loại vật tư, hàng hoá tồn kho và các kiến nghị xử lý (nếu có);

- Phân tích cụ thể nội dung chi tiền lương, phụ cấp lương số chi bổ sung thu nhập của năm trước quyết toán vào năm 2013;

- Phân tích chi tiết công nợ theo từng nội dung, từng đối tượng của BHXH tỉnh và từng đơn vị trực thuộc;

- Thuyết minh chi tiết các khoản tiền chuyển về BHXH Việt Nam

- + Tiền lãi phát sinh trên các tài khoản;

- + Tiền thu thanh lý tài sản cố định;

- + Tiền thu hồi do chi sai các loại bảo hiểm;

- + Tiền thu BHXH, BHYT, BHTN; Tiền lãi do chậm nộp;

- + Nộp quỹ khen thưởng, phúc lợi.

- + Các khoản nộp khác (nếu có).

- Thuyết minh một số tồn tại, vướng mắc về công tác quản lý tài chính qua việc thẩm định, xét duyệt quyết toán quý, năm và công tác kiểm tra. Đề xuất biện pháp xử lý và giải quyết;

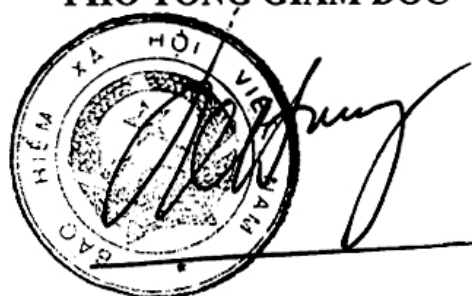
- Thuyết minh một số tình hình và những phát sinh không bình thường trong năm tại đơn vị.

Yêu cầu Bảo hiểm xã hội các tỉnh thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 178/2012/TT-BTC và hướng dẫn tại văn bản này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc kịp thời báo cáo về Bảo hiểm xã hội Việt Nam (Ban Chi) để xem xét, giải quyết. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (đề b/c);
- Ban Thu;
- Ban CSYT;
- Lưu: VT, BC (2b).

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đình Khương

Đơn vị quản lý cấp trên.....

Mẫu số 01

Đơn vị báo cáo.....

**BÁO CÁO SỐ TIỀN ĐÓNG BẢO HIỂM Y TẾ
CHO NGƯỜI HƯỞNG BẢO HIỂM XÃ HỘI HÀNG THÁNG**

Năm.....

Số TT	LOẠI ĐỐI TƯỢNG	Mã số	Số người (người)	Số tiền (đồng)
A	B	C	1	2
I	Ngân sách Nhà nước đảm bảo	01	-	-
1	Hưu quân đội	02		
2	Hưu công nhân viên chức	03		
3	Công nhân cao su	04		
4	Mất sức lao động	05		
5	Trợ cấp 91	06		
6	Tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp	07		
7	Trợ cấp 613	08		
II	Quỹ BHXH bắt buộc	09		
1	Quỹ hưu trí - tử tuất	10	-	-
1,1	Hưu quân đội	11		
1,2	Hưu công nhân viên chức	12		
1,3	Trợ cấp cán bộ xã phường	13		
2	Quỹ tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp	14		
III	Quỹ BHXH tự nguyện	15		
IV	Quỹ bảo hiểm thất nghiệp	16		
V	Ôm đau dài ngày	17		

* Ghi chú: Số người hưởng tính bình quân 12 tháng, riêng số người do quỹ BH thất nghiệp đóng BHYT tính bằng tổng số người cộng dồn theo thẻ BHYT phát hành

* Cơ sở lập biểu: Căn cứ mẫu số 5-CBH

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

TP. Chế độ BHXH
(Ký, họ tên)

....., ngày tháng năm 2014

Giám đốc
- (Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị quản lý cấp trên:

Mẫu số 02

Đơn vị báo cáo:

TỔNG HỢP THU HỒI CHI SAI BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ NĂM TRƯỚC

Năm:

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN THU HỒI CỦA TỈNH				NỢ SỐ THU HỒI CHI SAI BHXH, BHYT, BHYT VỀ BHXH VIỆT NAM					
		Số còn phải thu hồi năm trước chuyển sang	Số phải thu trong năm	Số đã thu hồi trong năm	Số còn phải thu hồi chuyển năm sau	Số năm trước còn phải nộp	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển năm sau	Trong đó	
										Số tiền đã thu chưa nộp	Số còn phải thu hồi
A	B	1	2	3	4 = 1+2-3	5	6=2	7	8=5+6-7=9+10	9	10
1	Kinh phí do NSNN đảm bảo										
1.1	Lương hưu										
1.2	Trợ cấp										
2	Quỹ BHXH bắt buộc										
2.1	Quỹ ốm đau, thai sản										
2.2	Quỹ TNLĐ-BNN										
2.3	Quỹ hưu trí, tử tuất										
3	Quỹ BHXH tự nguyện										
4	Quỹ BH thất nghiệp										
5	Quỹ BHYT										
	CỘNG										

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

TP. Kế hoạch tài chính
(Ký, họ tên)

....., ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị quản lý cấp trên:

Mẫu số 03

Đơn vị báo cáo:

TỔNG HỢP CHƯA TRẢ CHO NGƯỜI HƯỞNG LƯƠNG HƯU, TRỢ CẤP BHXH MỘT LẦN
Năm.....

STT	LOẠI CHẾ ĐỘ	SỐ ĐẦU NĂM		TĂNG TRONG NĂM		GIẢM TRONG NĂM		SỐ CUỐI NĂM	
		SỐ NGƯỜI	SỐ TIỀN	SỐ NGƯỜI	SỐ TIỀN	SỐ NGƯỜI	SỐ TIỀN	SỐ NGƯỜI	SỐ TIỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=1+3-5	8=2+4-6
I	Ngân sách Nhà nước đảm bảo								
1	Trợ cấp mai táng								
2	Trợ cấp tuất 1 lần								
3	Phương tiện trợ giúp SH, DCCH								
	Cộng I								
II	Quỹ BHXH bắt buộc								
A	Quỹ hưu trí - tử tuất								
1	Bảo hiểm xã hội một lần (Đ55)								
2	Trợ cấp một lần khi nghỉ hưu (Đ54)								
3	Trợ cấp mai táng								
4	Trợ cấp tuất 1 lần								
5	Trợ cấp khu vực 1 lần								
B	Quỹ tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp								
1	Trợ cấp TNLĐ-BNN 1 lần								
2	Trợ cấp 1 lần khi chết do TNLĐ-BNN								
3	Dưỡng sức, phục hồi sức khỏe								
4	Phương tiện trợ giúp SH, DCCH								
5	Khen thưởng								
	Cộng II								
III	Quỹ BHXH tự nguyện								
1	BHXH một lần (Đ73)								
2	Trợ cấp một lần khi nghỉ hưu (Đ72)								
3	Trợ cấp mai táng								
4	Trợ cấp tuất 1 lần								
	Cộng III								
IV	Quỹ bảo hiểm thất nghiệp								
1	Trợ cấp thất nghiệp 1 lần								
2	Hỗ trợ học nghề								
	Cộng IV								
	Tổng cộng I + II + III + IV								

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

TP. Chế độ BHXH
(Ký, họ tên)

....., ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị quản lý cấp trên.....
 Đơn vị báo cáo.....

Mẫu số 04

**TỔNG HỢP SỐ CHƯA TRẢ CHO NGƯỜI HƯỞNG LƯƠNG HƯU, TRỢ CẤP BẢO HIỂM XÃ HỘI HÀNG THÁNG
 TẠI 31/12/.....**

STT	LOẠI CHẾ ĐỘ	SỐ CHƯA CHI TRẢ DƯỚI 6 THÁNG (Lấy số liệu tại Mẫu số 04-CBH)		TẠM DỪNG IN DANH SÁCH CHI TRẢ TỪ 6-12 THÁNG		TẠM DỪNG IN DANH SÁCH CHI TRÊN 12 THÁNG		TỔNG SỐ	
		SỐ NGƯỜI	SỐ TIỀN (Số tiền 1 tháng X Số tháng chưa chi trả)	SỐ NGƯỜI	SỐ TIỀN (Số tiền 1 tháng X Số tháng chưa chi trả)	SỐ NGƯỜI	SỐ TIỀN (Số tiền 1 tháng X Số tháng chưa chi trả)	SỐ NGƯỜI	SỐ TIỀN CHƯA CHI TRẢ
A	B	1	2	3	4	5	6		
I	Ngân sách Nhà nước đảm bảo								
1	Hưu quân đội								
2	Hưu công nhân viên chức								
3	Công nhân cao su								
4	Mất sức lao động								
5	Trợ cấp 91								
6	Tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp								
7	Phục vụ tai nạn lao động								
8	Tuất định suất cơ bản								
9	Tuất định suất nuôi dưỡng								
10	Trợ cấp 613								
	Cộng I								
II	Quỹ BHXH bắt buộc								
A	Quỹ hưu trí - tử tuất								
1	Hưu quân đội								
2	Hưu công nhân viên chức								
3	Trợ cấp cán bộ xã phường								
4	Tuất định suất cơ bản								
5	Tuất định suất nuôi dưỡng								
	Quỹ tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp								
B									
1	Tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp								

Đơn vị quản lý cấp trên.....

Mẫu số 05

Đơn vị báo cáo.....

TỔNG HỢP LÃI TIỀN GỬI TÀI KHOẢN THU, CHI

Năm.....

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ TIỀN	GHI CHU
A	B	C	1	2
1	Số tiền lãi chưa nộp cấp trên năm trước chuyển sang	01		
2	Số tiền lãi phát sinh trong năm (03+04+05+06)	02		
2.1	Tiền lãi phát sinh tại tài khoản tiền gửi thu BHXH	03		
2.2	Tiền lãi phát sinh tại tài khoản tiền gửi chi BHXH	04		
2.3	Tiền lãi phát sinh tại tài khoản tiền gửi chi QLBM	05		
2.4	Tiền lãi phát sinh tại tài khoản tiền gửi chi XD CB	06		
3	Số lãi được bổ sung chi QLBM (06)	07		
4	Số lãi đã nộp cấp trên	08		
5	Số tiền lãi còn phải nộp cấp trên chuyển năm sau (01+02-07-08)	09	0	0

Người lập biểu

(Ký họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm

Giám đốc BHXH

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo:

Mẫu số 06

Năm

[illegible]

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc BHXH
(Ký, họ tên đóng dấu)

Đơn vị quản lý cấp trên.....

Mẫu số 07

Đơn vị báo cáo.....

**BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH CHI THÙ LAO ĐẠI LÝ THU BHXH TỰ NGUYÊN, BHYT
CỦA MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG**

Năm.....

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
A	B		1	2
I	Dự toán BHXH Việt Nam giao	1		
1	Dự toán thu BHXH tự nguyện, BHYT của một số đối tượng	2		
1.1	Số thu BHXH tự nguyện	3		
1.2	Số thu BHYT của một số đối tượng (*)	4		
2	Dự toán chi thù lao đại lý thu được giao trong năm	5		
3	Dự toán giao thừa, thiếu năm trước chuyển sang (Mã số.... Báo cáo năm trước)	6		
II	Tình hình thực hiện dự toán giao trong năm	7		
1	Số thực thu BHXH tự nguyện, BHYT của một số đối tượng	8		
1.1	Thu BHXH tự nguyện	9		
1.2	Thu BHYT của một số đối tượng	10		
	+ Học sinh, sinh viên	11		
	+ Đối tượng nghèo, cận nghèo	12		
	+ Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, LN, NN và DN	13		
	+ Xã viên hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể	14		
2	Thù lao đại lý thu được sử dụng trong năm	15		
2.1	Thù lao đại lý thu BHXH tự nguyện (9 x 4,8%)	16		
2.2	Thù lao đại lý thu BHYT của một số đối tượng	17		
	+ Học sinh, sinh viên (Số thực thu x 4,8%)	18		
	+ Đối tượng nghèo, cận nghèo (Số thực thu x 4,8%)	19		
	+ Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, LN, NN và DN (Số thực thu x 4,8%)	20		
	+ Xã viên hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể (Số thực thu x 4,8%)	21		
	Trong đó:	22		
	a) Số được để lại chi tại đơn vị (0,8%)	23		
	b) Số phải chi cho đại lý (4%)	24		
3	Số thực chi thù lao đại lý thu trong năm	25		
3.1	Chi tại đơn vị (0,8%)	26		
3.2	Chi cho đại lý thu (4%)	27		
4	Thù lao đại lý thu chưa chi cho đại lý (24 - 27)	28		
III	Chênh lệch giữa dự toán giao và số thực hiện trong năm (1-7)	29		
1	Số thu BHXH tự nguyện, BHYT của một số đối tượng	30		
1.1	Số thu BHXH tự nguyện	31		
1.2	Số thu BHYT của một số đối tượng	32		
	+ Học sinh, sinh viên (Số thực thu x 4,8%)	33		
	+ Đối tượng nghèo, cận nghèo (Số thực thu x 4,8%)	34		
	+ Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, LN, NN và DN	35		
	+ Xã viên hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể	36		
2	Chi thù lao đại lý thu được giao và số được sử dụng trong năm (5-15)	37		
2.1	Thù lao đại lý thu BHXH tự nguyện	38		

2.2	Thù lao đại lý thu BHYT của một số đối tượng	39		
IV	Tình hình thực hiện số còn phải chi thù lao cho đại lý thu của năm trước chuyển sang	40		
1	Số phải chi năm trước nhưng chưa chi chuyển năm sau chi tiếp	41		
2	Số đã chi trong năm	42		
3	Còn dư	43		

Ghi chú: (*) số thu BHYT của một số đối tượng quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 9 Thông tư số 134/TT-BTC ngày 30/9/2011 của Bộ Tài chính, không bao gồm số thu tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng

....., ngày tháng năm 2014

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị quản lý cấp trên.....

Mẫu số 08

Đơn vị báo cáo.....

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH CHI LẬP DANH SÁCH TRẺ EM DƯỚI 6 TUỔI

Năm.....

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	SỐ TIỀN
A	B		1
I	Dự toán BHXH Việt Nam giao	1	
1	Số trẻ em cấp mới thẻ BHYT trong năm (trẻ)	2	
2	Mức chi /1trẻ (...đồng/01trẻ)	3	
3	Kinh phí được giao trong năm	4	
4	Dự toán giao thừa, thiếu năm trước chuyển sang	5	
	- Dự toán giao thừa	6	
	- Dự toán giao thiếu	7	
II	Tình hình thực hiện trong năm	8	
1	Số trẻ em dưới 6 tuổi được cấp mới thẻ BHYT trong năm (trẻ)	9	
2	Mức chi (đồng/trẻ)	10	
3	Số phải chi lập danh sách trẻ em dưới 6 tuổi (7 x 8)	11	
4	Số đã chi lập danh sách trẻ em dưới 6 tuổi	12	
5	Số còn phải chi (9-10)	13	
III	Chênh lệch thừa, thiếu giữa dự toán giao và số phải chi lập danh sách trẻ em dưới 6 tuổi (4+5-9)	14	
	- Dự toán giao thừa	15	
	- Dự toán giao thiếu	16	
IV	Tình hình số còn phải chi lập danh sách trẻ em dưới 6 tuổi	17	
1	Số phải chi năm trước nhưng chưa chi chuyển sang năm sau chi tiếp	18	
2	Số đã chi trong năm	19	
3	Còn dư	20	

Ghi chú: Thuyết minh rõ số còn phải chi đến cuối năm, nguyên nhân chưa chi:

- Chi chưa đủ mức chi theo quy định
- Do thiếu nguồn

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

....., ngày tháng năm 2014

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)